

Số: /BC-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng 11 năm 2024

BÁO CÁO

Sơ kết 05 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng
(Số liệu toàn tỉnh, từ 01/7/2019 - 30/6/2024)

Thực hiện Kế hoạch số 1992/KH-TTTP ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Thanh tra Chính phủ về sơ kết 05 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng; Ủy ban nhân tỉnh Đắk Lắk báo cáo kết quả về công tác phòng, chống tham nhũng (PCTN), số liệu từ 01/7/2019 đến 30/6/2024 như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Tỉnh Đắk Lắk có vị trí trung tâm của vùng Tây Nguyên với diện tích tự nhiên 13.070,41 km², gồm: 23 Sở, ban, ngành; 15 đơn vị hành chính (01 thành phố, 01 thị xã và 13 huyện); 184 xã, phường, thị trấn; 2.199 thôn, buôn, tổ dân phố; dân số khoảng 2 triệu người với 49 dân tộc cùng sinh sống, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm khoảng 34,37% dân số của tỉnh.

Trong những năm qua, mặc dù gặp nhiều khó khăn, thách thức do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu, song với quyết tâm của các cấp, các ngành và nhân dân, tỉnh Đắk Lắk đã nỗ lực đẩy mạnh các giải pháp phục hồi kinh tế, đảm bảo đời sống nhân dân; công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN, lãng phí luôn được Cấp Ủy đảng, Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước các cấp, các ngành quan tâm, thường xuyên chỉ đạo thực hiện sâu, sát; nhiều vụ việc khiếu nại, tố cáo được xem xét giải quyết, nhiều vụ việc tham nhũng được phát hiện, xử lý nghiêm minh, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, góp phần phát triển kinh tế xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh trên địa bàn.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PCTN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật PCTN.

1.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt triển khai Luật PCTN và văn bản hướng dẫn thi hành luật:

Thực hiện Luật PCTN năm 2018, Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCTN và Nghị định 134/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2019/NĐ-CP. Từ năm 2019 đến năm 2024, UBND tỉnh đã ban hành nhiều Kế hoạch, Quyết định, Công văn để triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

- Năm 2019 ban hành 06 Kế hoạch và 02 Công văn, gồm: Kế hoạch số 11462/KH-UBND ngày 27/12/2018 về thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN năm 2019; Kế hoạch số 397/KH-UBND ngày 14/01/2019 về công tác PCTN năm 2019; Kế hoạch số 2078/KH-UBND ngày 18/3/2019 về đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh năm 2018; Kế hoạch số 2237/KH-UBND ngày 21/3/2019 triển khai thực hiện Luật PCTN năm 2018 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2019); Kế hoạch số 4744/KH-UBND ngày 12/6/2019 về thực hiện Chương trình công tác của Ban chỉ đạo Trung ương về PCTN năm 2019; Kế hoạch số 6205/KH-UBND ngày 02/8/2019 về triển khai thực hiện chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng những nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc; Công văn số 2297/UBND-NC ngày 25/3/2019 ban hành về việc triển khai Chỉ thị số 36-CT/TU ngày 15/3/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về công tác bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; Công văn số 6678/UBND-NC ngày 16/8/2019 triển khai thực hiện Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCTN.

- Năm 2020 ban hành 02 Kế hoạch, gồm: Kế hoạch số 10129/KH-UBND ngày 09/12/2019 về công tác PCTN năm 2020; Kế hoạch số 3937/KH-UBND ngày 08/5/2020 triển khai thực hiện Chương trình công tác năm 2020 của Ban chỉ đạo Trung ương về PCTN.

- Năm 2021 ban hành 03 Kế hoạch, gồm: Kế hoạch số 11392/KH-UBND ngày 21/12/2020 về công tác PCTN năm 2021, Kế hoạch số 8447/KH-UBND ngày 06/9/2021 về thực hiện Kế hoạch số 36-KH/TU ngày 06/8/2021 của Tỉnh ủy¹, Công văn số 6728/UBND-NC về triển khai công tác PCTN năm 2021 theo Kế hoạch số 29-KH/TU ngày 08/6/2021 của Tỉnh ủy²; Kế hoạch số 2097/KH-UBND ngày 15/3/2021 V/v kê khai, công khai tài sản, thu nhập (TSTN) lần đầu năm 2020.

- Năm 2022 ban hành 01 Kế hoạch, 01 Quyết định, 02 Công văn, gồm: Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 11/01/2022 về công tác PCTN năm 2022; Quyết định số 210/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 về chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022; Công văn số 214/UBND-NC ngày 18/5/2022 triển khai thực hiện công tác PCTN, tiêu cực năm 2022 theo Kế hoạch số 70-KH/TU

¹ Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 05-KL/TW ngày 03/6/2021 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng.

² Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai công tác năm 2021 theo Chương trình số 241-CTr/BCĐTW ngày 23/01/2021 của Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN.

ngày 16/3/2022 của Tỉnh ủy; Công văn số 10393/UBND-NC ngày 30/11/2022 về Khắc phục hạn chế, nâng cao hiệu quả công tác PCTN.

- Năm 2023 ban hành 04 Kế hoạch, 01 Quyết định, 02 Công văn, gồm: Kế hoạch số 238/KH-UBND ngày 20/12/2022 về công tác PCTN, tiêu cực năm 2023; Quyết định số 172/QĐ-UBND ngày 03/02/2023 về Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023, Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 17/5/2023 về thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc; Công văn số 5626/UBND-KT ngày 03/7/2023 triển khai Nghị Quyết số 50/NQ-CP ngày 08/4/2023 của Chính phủ về Hội nghị chính phủ với địa phương và Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 3 năm 2023; Công văn số 8613/UBND-NC ngày 05/10/2023 bổ sung một số nội dung vào Kế hoạch công tác PCTN, TC năm 2023; Kế hoạch số 173/KH-UBND ngày 07/11/2023 về công tác PCTN, tiêu cực đến năm 2030; Kế hoạch số 173/KH-UBND ngày 07/11/2023 triển khai thực hiện công tác PCTN, TC đến năm 2030.

- 06 tháng đầu năm 2024 ban hành 01 Kế hoạch, 01 Quyết định, gồm: Kế hoạch số 202/KH-UBND ngày 29/12/2023 về công tác PCTN, TC năm 2024; Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 06/02/2024 ban hành Chương trình của UBND tỉnh về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, trong kỳ báo cáo các Sở, ban, ngành, địa phương trên toàn tỉnh đã ban hành 522 văn bản mới, sửa đổi bổ sung 13 văn bản và bãi bỏ 08 văn bản, để triển khai thực hiện chương trình, công tác PCTN.

1.2. Việc xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về PCTN theo thẩm quyền:

Trong kỳ, UBND tỉnh ban hành 03 Quyết định để chỉ đạo thực hiện công tác PCTN, gồm: Quyết định số 210/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 về chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022; Quyết định số 172/QĐ-UBND ngày 03/02/2023 về Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023; Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 06/02/2024 ban hành Chương trình của UBND tỉnh về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024.

1.3. Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về PCTN:

Trong giai đoạn từ 01/7/2019 đến 30/6/2024, UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản để tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN, trong kế hoạch nêu rõ: Nội dung tuyên truyền tập trung vào các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về PCTN.

Thực hiện Kế hoạch của UBND tỉnh, trong kỳ các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương trên toàn tỉnh đã tổ chức được 324 lớp tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN cho 26.128 lượt người tham dự, phát hành 228 đầu sách để phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN.

1.4. Kết quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm trong công tác PCTN:

Giai đoạn từ 01/7/2019 đến 30/9/2024 các cấp, các ngành trong toàn tỉnh triển khai được 265 cuộc thanh tra trách nhiệm của thủ trưởng các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN tại 304 đơn vị, đã kết thúc và ban hành Kết luận 210 cuộc tại 216 đơn vị. Qua thanh tra đã kịp thời kiến nghị xử lý về hành chính đối với 25 tập thể và 57 cá nhân có vi phạm quy định về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN.

2. Việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2.1. Công khai, minh bạch về tổ chức, hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị:

Hằng năm, thông qua Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương trên toàn tỉnh thực hiện công khai quản lý, sử dụng tài chính, công khai việc mua sắm công, đầu tư xây dựng và dự toán chi, đồng thời niêm yết các văn bản, thủ tục hành chính, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại công chức lãnh đạo; thực hiện công khai bản kê khai TSTN của cán bộ, công chức, viên chức.

Trong kỳ có 14 cơ quan Thanh tra các Sở, huyện đã tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động tại 100 đơn vị trực thuộc³, qua kiểm tra đã góp phần chấn chỉnh các đơn vị, phòng, ban chuyên môn tiếp tục thực hiện tốt hơn nữa các quy định của pháp luật về công khai, minh bạch trong tổ chức và hoạt động.

2.2. Xây dựng, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ:

Trong kỳ báo cáo, các cơ quan, đơn vị trong tỉnh tiếp tục rà soát, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ với tiêu chí: Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện công tác; thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, tổ chức, bộ máy; các

³ Sở Y tế kiểm tra tại 31 đơn vị, Sở Nội vụ kiểm tra tại 08 đơn vị, Sở NN&PTNT kiểm tra tại 07 đơn vị, Sở KHĐT kiểm tra tại 01 đơn vị, Sở Văn hóa TT&DL kiểm tra tại 05 đơn vị, Sở Công thương kiểm tra tại 01 đơn vị, Thành phố Buôn Ma Thuột kiểm tra tại 05 đơn vị, Huyện Krông Búk kiểm tra tại 20 đơn vị, Huyện Krông Năng kiểm tra tại 02 đơn vị, Huyện Krông Pắc kiểm tra tại 09 đơn vị, Huyện M'Drăk kiểm tra tại 07 đơn vị, Đài Phát thanh và Truyền hình kiểm tra tại 01 đơn vị, Trường Cao đẳng VHNT Đắk Lắk kiểm tra tại 01 đơn vị, Quỹ đầu tư phát triển Đắk Lắk kiểm tra tại 01 đơn vị, Cty TNHH MTV Lâm nghiệp Krông Bông kiểm tra tại 01 đơn vị.

cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương trong toàn tỉnh đã ban hành mới 237 văn bản, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ 32 văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ; có 15 cơ quan thanh tra các Sở, huyện và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tỉnh tổ chức được 100 cuộc thanh tra, kiểm tra về định mức, tiêu chuẩn, chế độ. Qua thanh tra đã kiến nghị 04 đơn vị chấn chỉnh, khắc phục một số một số sai sót, xử lý bằng biện pháp hành chính đối với 02 người có vi phạm trong việc thực hiện quy định của pháp luật về định mức, tiêu chuẩn, chế độ⁴.

2.3. Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn:

Trong kỳ báo cáo, triển khai kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn tại 71 đơn vị trực thuộc⁵, qua kiểm tra góp phần chấn chỉnh các đơn vị tiếp tục thực hiện tốt hơn nữa quy chế văn hóa công sở, quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức làm việc trong các cơ quan hành chính Nhà nước, không gây phiền hà, sách nhiễu, không đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, thực hiện đúng quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn. Qua kiểm tra chưa phát hiện hành vi vi phạm về quy tắc ứng xử.

2.4. Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn:

Hằng năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã xây dựng kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác. Trong kỳ báo cáo các Sở, ban, ngành, huyện, xã thuộc tỉnh đã xây dựng kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác đối với 2.445 cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện chuyển đổi đối với 1.592 công chức, viên chức⁶ nhằm phòng ngừa tham nhũng.

2.5. Thực hiện cải cách hành chính (CCHC), ứng dụng khoa học công nghệ (KHCHN) trong quản lý, thanh toán không dùng tiền mặt:

Trong giai đoạn 2019 đến 2024, UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản để triển khai thực hiện CCHC trên toàn tỉnh. Tại thời điểm báo cáo, các cấp, các ngành, địa phương đang thực hiện Quyết định số 2741/QĐ-UBND Ngày 22/12/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành công bố Danh mục thủ tục hành chính được cung cấp, tiếp nhận và giải quyết trực tuyến trên hệ thống thông tin

⁴ Xảy ra tại huyện Buôn Đôn.

⁵ Sở Y tế kiểm tra tại 01 đơn vị, Sở Văn hoá TTDL kiểm tra tại 01 đơn vị, Sở Tài chính kiểm tra tại 07 đơn vị, Trường Cao đẳng Y tế kiểm tra tại 01 đơn vị, Công ty TNHH Lâm nghiệp Krông Bông kiểm tra tại 01 đơn vị.

⁶ Số liệu tổng hợp từ Báo cáo số 289/BC-UBND ngày 24/9/2024 của UBND tỉnh về kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác theo quy định của Luật PCTN 2018.

Sở Giao thông vận tải 05 công chức, Sở Lao động/ TBXH 02 công chức, Sở Công thương 02 công chức, Sở TNMT 01 công chức, Trường Cao đẳng Y tế 02 viên chức, ban QLDA giao thông và Nông nghiệp PTNT 04 viên chức, huyện Ea H'leo 61 CCVC, huyện Krông Năng 10 CCVC, thị xã Buôn Hồ 14 CCVC, huyện M'Drăk 27 CCVC, huyện Ea Kar 10 CCVC, huyện Krông Bông 08 CCVC, huyện Ea Sup 02 CCVC, huyện Buôn Đôn 02 CCVC.

giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) tỉnh Đắk Lắk⁷, theo đó có 1.648 TTHC được cung cấp, tiếp nhận và giải quyết trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Đắk Lắk, tại địa chỉ <http://dichvucong.daklak.gov.vn>, gồm: 645 dịch vụ công trực tuyến toàn trình; 720 dịch vụ công trực tuyến một phần⁸ và 283 dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến với mục tiêu xây dựng 100% dịch vụ công trực tuyến được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau; 95% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 75% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 45% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng; UBND tỉnh giao các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn thực hiện nghiêm túc việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền theo các mức độ trực tuyến đã được công bố, thường xuyên cập nhật, rà soát, điều chỉnh và kịp thời thay đổi về thông tin TTHC, thông tin về cán bộ, công chức trong quy trình giải quyết TTHC để đảm bảo việc triển khai, sử dụng liên tục và đồng bộ.

2.6. Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN) của người có chức vụ, quyền hạn:

- Năm 2021: Ngày 15/3/2021, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 2097/KH-UBND về thực hiện việc kê khai, công khai bản kê khai TSTN lần đầu (năm 2020). Năm 2020 toàn tỉnh có 43 đơn vị đã tổ chức thực hiện kê khai, công khai bản kê khai TSTN đối với 7.446 người có nghĩa vụ kê khai TSTN theo quy định.

- Năm 2022: Ngày 11/01/2022, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 09/KH-UBND về công tác PCTN năm 2022, trong đó triển khai thực hiện việc kê khai, công khai bản kê khai TSTN. Năm 2021, toàn tỉnh có 59 đơn vị đã tổ chức thực hiện kê khai, công khai bản kê khai TSTN đối với 6.893 người có nghĩa vụ kê khai TSTN theo quy định (Kê khai lần đầu 884 người, kê khai hàng năm 5.881 người, kê khai bổ sung 128 người); Cơ quan Thanh tra tỉnh triển khai xác minh TSTN đối với 10 người có nghĩa vụ kê khai TSTN hằng năm thuộc quyền kiểm soát TSTN của Thanh tra tỉnh, ban hành 10 Kết luận xác minh TSTN đúng thời hạn, trong đó kết luận 01 người kê khai TSTN không trung thực.

- Năm 2023: Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, ngày 20/12/2022 Thanh tra tỉnh có Công văn số 725/TTr-NV.IV về việc triển khai thực hiện Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát TSTN đồng thời qua đó triển khai thực hiện việc kê khai TSTN. Năm 2022, toàn tỉnh có 56 đơn vị đã tổ chức thực hiện kê khai, công khai bản kê khai TSTN đối với 6.620 người có nghĩa vụ kê khai

⁷ Thay thế Quyết định số 2969/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 về công bố Danh mục TTHC được cung cấp, tiếp nhận và giải quyết trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Đắk Lắk.

⁸ Thay thế Quyết định số 629/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục TTHC được cung cấp, tiếp nhận và giải quyết trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Đắk Lắk.

TSTN theo quy định (Kê khai lần đầu 643 người, kê khai hàng năm 5.872 người, kê khai bổ sung 105 người); Cơ quan Thanh tra tỉnh triển khai xác minh TSTN đối với 45 người có nghĩa vụ kê khai TSTN hằng năm thuộc quyền kiểm soát TSTN của Thanh tra tỉnh, ban hành 45 Kết luận xác minh TSTN đúng thời hạn, trong đó kết luận 01 người kê khai TSTN không trung thực.

- Năm 2024: Ngày 28/11/2023, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 181/KH-UBND triển khai thực hiện việc kê khai và công khai bản kê khai TSTN. Năm 2023 có 54 đơn vị đã tổ chức thực hiện kê khai, công khai bản kê khai TSTN đối với 5.475 người có nghĩa vụ kê khai TSTN theo quy định (Kê khai lần đầu 233 người, kê khai hàng năm 5.081 người, kê khai bổ sung 161 người); Cơ quan Thanh tra tỉnh triển khai xác minh TSTN đối với 39 người có nghĩa vụ kê khai TSTN hằng năm thuộc quyền kiểm soát TSTN của Thanh tra tỉnh, dự kiến ban hành Kết luận xác minh trong tháng 10 năm 2024.

Thực hiện quy định của pháp luật về kiểm soát TSTN, hằng năm công tác kê khai, công khai, quản lý, cập nhật, xác minh và công khai kết luận xác minh TSTN của tỉnh được triển khai thực hiện nghiêm túc, đúng quy định; công tác bảo vệ, lưu trữ, khai thác, cung cấp thông tin về TSTN của người có nghĩa vụ kê khai được thực hiện đúng quy định của pháp luật về kiểm soát TSTN của người có chức vụ, quyền hạn.

3. Việc phát hiện, xử lý tham nhũng

Trong kỳ báo cáo, qua hoạt động giám sát, kiểm tra và tự kiểm tra nội bộ chưa phát hiện hành vi tham nhũng; qua hoạt động thanh tra, cơ quan Thanh tra tỉnh phát hiện 04 vụ việc có dấu hiệu hành vi tham nhũng, đã lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh để điều tra, kết luận, xử lý theo quy định⁹; qua hoạt động điều tra, cơ quan chức năng phát hiện, khởi tố 43 vụ việc/101 đối tượng có dấu hiệu hành vi tham nhũng với tổng số tiền 13,167 tỷ đồng, đã thu hồi 8,952 tỷ đồng¹⁰. Cụ thể như sau:

a) Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động giám sát, kiểm tra, tự kiểm tra nội bộ và giải quyết khiếu nại, tố cáo của các cơ quan, tổ chức, đơn vị: Trong kỳ báo cáo chưa phát hiện hành vi tham nhũng.

b) Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng:

⁹ 04 vụ việc, gồm: (1) Vụ vi phạm về công tác bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất thực hiện Dự án Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên tại UBND thành phố Buôn Ma Thuột; (2) Vụ vi phạm về công tác bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất và đầu tư xây dựng cơ bản thực hiện Dự án đường vành đai phía Tây thành phố Buôn Ma Thuột tại UBND thành phố Buôn Ma Thuột; (3) Vụ vi phạm về công tác bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất thực hiện Dự án Nghĩa trang nhân dân xã Cư Suê, huyện Cư M'gar tại UBND huyện Cư M'gar; (4) Vụ vi phạm về mua sắm trang thiết bị, vật tư y tế, sinh phẩm, Kit xét nghiệm, vắc xin, thuốc phòng, chống Covid - 19 trên địa bàn tỉnh tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đắk Lắk.

¹⁰ Chi tiết tại Biểu số 2/PCTN (kèm theo báo cáo).

* Công tác điều tra xử lý tội phạm tham nhũng của ngành Công an:

Trong kỳ, cơ quan CSĐT phát hiện 56 vụ việc/119 đối tượng có dấu hiệu vi phạm pháp luật về tham nhũng, khởi tố 42 vụ việc/96 bị can có dấu hiệu tham nhũng với tổng số tiền 13,167 tỷ đồng, thu hồi 8,952 tỷ đồng; chuyển Viện kiểm sát đề nghị truy tố 42 vụ/96 đối tượng, tiếp tục điều tra 14 vụ/23 đối tượng.

* Kết quả truy tố án tham nhũng của ngành Kiểm sát:

Tổng số án tham nhũng thụ lý 42 vụ/96 bị can, đã xử lý 41 vụ/94 bị can, đang giải quyết 01 vụ/02 bị can.

* Kết quả giải quyết án tham nhũng của Tòa án tỉnh:

Tổng số án thụ lý 31 vụ/68 bị cáo, đã xét xử 29 vụ/52 bị cáo, đang giải quyết 02 vụ/16 bị cáo.

c) Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu:

- Kết quả thực hiện quy định về trách nhiệm của người đứng đầu: Không có.
- Kết quả áp dụng biện pháp tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển sang vị trí khác: Không có.
- Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng: Không có.

4. Kết quả PCTN trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước

Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 17/5/2023 UBND tỉnh về thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc; Công văn số 5018/UBND-NC ngày 15/6/2023 của UBND tỉnh hướng dẫn một số nội dung về thực hiện công tác phòng ngừa tham nhũng doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước; khuyến khích doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề, tổ chức xã hội, tổ chức Xã hội - Nghề nghiệp, căn cứ vào quy định của Luật PCTN và luật khác có liên quan, ban hành quy tắc đạo đức kinh doanh, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đối với người lao động, thành viên, hội viên của mình. Xây dựng quy tắc ứng xử, cơ chế kiểm soát nội bộ nhằm phòng ngừa tham nhũng quy định tại Điều 79, Luật PCTN. Trên cơ sở phù hợp với đặc thù trong tổ chức, hoạt động của mình, tổ chức triển khai thực hiện việc kiểm soát xung đột lợi ích; quy định cụ thể về chế độ trách nhiệm, xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức do mình quản lý.

5. Vai trò, trách nhiệm của xã hội trong PCTN

Nhằm nâng cao nhận thức và phát huy vai trò, trách nhiệm của xã hội trong PCTN đặc biệt là vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức Chính trị - Xã hội, tổ chức Xã hội - Nghề nghiệp, doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề và của Nhân dân, thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở trong việc nâng cao hiểu biết nhận thức, phát hiện, đấu tranh đối với công tác PCTN; khuyến khích các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia giám sát, phát hiện các hành vi tham nhũng ở cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương ban hành, thực hiện các chuẩn mực về liêm chính; tham gia các cam kết, sáng kiến về liêm chính và PCTN; UBND tỉnh thường xuyên quan tâm, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể để chỉ đạo các cơ quan chức năng kiểm tra, xác minh và có văn bản trả lời đối với thông tin do Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên chuyển đến. Các cơ quan Thanh tra, Tư pháp... Ở tỉnh và huyện đã tăng cường phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể trong công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về PCTN đến các thành viên, hội viên và Nhân dân.

Kịp thời thông tin kết quả xử lý các vụ việc tham nhũng; các cơ quan báo chí, ngôn luận cũng đã thực hiện tốt chức năng giám sát và phản biện xã hội; nhiều vụ việc sai phạm, có dấu hiệu tiêu cực liên quan đến cán bộ, công chức đã được báo chí phản ánh. Giúp cho các cơ quan chức năng vào cuộc kiểm tra, điều tra, xử lý kịp thời các vụ việc liên quan đến tiêu cực, tham nhũng, được dư luận đồng tình.

6. Trách nhiệm của UBND tỉnh và cơ quan Thanh tra tỉnh trong PCTN

Thực hiện Thông tư số 02/2023/TT-TTCTP ngày 22/12/2023 của Tổng Thanh tra Chính phủ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Thanh tra huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương; ngày 13/8/2024, UBND tỉnh ban hành Công văn số 7385/UBND-TH hướng dẫn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Thanh tra huyện, thị xã, thành phố; ngày 30/8/2024 ban hành Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Thanh tra tỉnh. Theo đó, Thanh tra tỉnh là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, có chức năng tham mưu UBND tỉnh quản lý nhà nước về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN.

Hiện nay, cơ quan Thanh tra tỉnh đang duy trì 01 Phòng Nghiệp vụ chuyên trách về công tác PCTN (Gọi tắt là Phòng Nghiệp vụ IV)¹¹, có nhiệm vụ giúp Chánh Thanh tra tỉnh tham mưu UBND tỉnh quản lý nhà nước về công tác PCTN; phối hợp với cơ quan Kiểm toán nhà nước, cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án

¹¹ Theo Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 15/3/2021 của UBND tỉnh về việc sắp xếp, tổ chức lại cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh.

nhân dân trong việc phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý tham nhũng và phối hợp trong việc tổng hợp, đánh giá, dự báo tình hình tham nhũng; kiến nghị chính sách, pháp luật, giải pháp phòng ngừa, PCTN; kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định của pháp luật; chủ trì, giúp Chánh Thanh tra tỉnh tham mưu UBND tỉnh thực hiện việc đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh và cấp huyện hàng năm theo Kế hoạch và hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ và của UBND tỉnh; ngày 17/6/2024, Chánh Thanh tra tỉnh ban hành Quyết định số 59/QĐ-TTr về việc phân công nhiệm vụ đối với Chánh thanh tra, các Phó Chánh Thanh tra tỉnh, trong đó đồng chí Chánh Thanh tra tỉnh trực tiếp phụ trách và điều hành về công tác PCTN.

7. Đánh giá chung về công tác PCTN

7.1. Đánh giá chung về hiệu lực, hiệu quả của công tác PCTN:

- Thông qua việc triển khai thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, quy định của pháp luật về PCTN đã tác động tích cực đến ý thức, trách nhiệm của cấp ủy Đảng, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương, qua đó cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn đã tuân thủ pháp luật về PCTN, TC tốt hơn, hạn chế phát sinh các hành vi tham nhũng, tiêu cực.

- Qua hoạt động điều tra, truy tố, xét xử đã kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hành vi tham nhũng, thu hồi tiền và tài sản tham nhũng bị chiếm đoạt trong các vụ án, vụ việc tạo sự đồng thuận, tin tưởng trong xã hội và người dân.

7.2. Tự đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu của công tác PCTN:

Trong giai đoạn 2019 - 2024, các cấp, các ngành trên toàn tỉnh đã triển khai thực hiện tốt các quy định của Luật PCTN 2018, nhất là các nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 130/2020/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát TSTN, tập trung xây dựng kế hoạch, chương trình hành động để triển khai thực hiện các Nghị quyết, Chỉ thị của Trung ương, của Tỉnh ủy về công tác PCTN; chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về PCTN; xây dựng, ban hành nhiều văn bản chỉ đạo điều hành về công tác PCTN; triển khai công tác thanh tra trách nhiệm người đứng đầu đơn vị trong việc thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN; tổ chức nhiều lớp tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ tiếp công dân, xử lý đơn thư và quy trình giải quyết khiếu nại, tố cáo; đánh giá công tác PCTN (Bộ chỉ số) cấp tỉnh, nộp về Thanh tra Chính phủ đúng thời hạn đồng thời là đơn vị tiên phong trong việc triển khai đánh giá công tác PCTN cấp huyện để qua đó tìm ra những khuyết điểm, hạn chế, kịp thời ban hành giải pháp khắc phục, với mục tiêu thực hiện tốt hơn nữa chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đối với công tác PCTN trong thời kỳ tiếp theo.

7.3. Những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân:

- Hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, qua công tác thanh tra và tự kiểm tra nội bộ, trong kỳ chưa phát hiện hành vi tham nhũng. Nguyên nhân là do: Công tác PCTN tại một số đơn vị, địa phương chưa được quan tâm đúng mức, trách nhiệm của người đứng đầu đối với công tác PCTN chưa cao.

- Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng qua các vụ việc được phát hiện còn thấp. Nguyên nhân là do: Có vụ việc xảy ra từ nhiều năm trước, nay mới bị phát hiện nên tài sản tham nhũng đã bị tẩu tán; hoặc có những vụ việc phức tạp, liên quan đến nhiều tổ chức, cá nhân, tại thời điểm phát hiện tham nhũng đối tượng mất khả năng hoàn trả.

- Thời gian thực hiện công tác xác minh TSTN của cơ quan có chức năng kiểm soát TSTN còn kéo dài, không đảm bảo theo kế hoạch đề ra. Nguyên nhân là do: Việc thực hiện cung cấp thông tin về TSTN của các tổ chức tín dụng, ngân hàng thương mại, cơ quan thuế... liên quan đến tài sản của người được xác minh chưa kịp thời hoặc không cung cấp gây ảnh hưởng đến tiến độ xác minh TSTN; mặt khác Thanh tra Chính phủ chưa ban hành bộ quy trình, biểu mẫu chung về xác minh TSTN dẫn đến chưa có sự thống nhất chung giữa các cơ quan có chức năng kiểm soát TSTN; số lượng biên chế của bộ phận chuyên trách về công tác PCTN, TC hiện nay còn chưa tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ được giao.

- Công tác điều tra, truy tố, xét xử một số vụ án liên quan đến tham nhũng còn kéo dài. Nguyên nhân là do: Một số vụ án có liên quan đến nhiều tổ chức, cá nhân; công tác giám định, định giá tài sản tham nhũng còn nhiều bất cập, có những vụ án phải trả hồ sơ điều tra bổ sung nhiều lần, ảnh hưởng đến tiến độ truy tố, xét xử.

(Kèm theo Biểu số 01/PCTN, 02/PCTN, 03/PCTN)

III. ĐÁNH GIÁ CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ PCTN

1. Ưu điểm:

- Thể chế hóa kịp thời các chủ trương, quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước về công tác PCTN, đặc biệt là Kết luận số 10-KL/TW ngày 26/12/2016 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCTN, lãng phí.

- Tiếp tục xác định nhiệm vụ trọng tâm của Luật PCTN năm 2018 là xây dựng một cơ chế phòng ngừa tham nhũng toàn diện và sâu rộng, góp phần xây dựng một cơ chế quản lý nhà nước, quản lý xã hội về công khai, minh bạch để “không thể tham nhũng”; tạo cơ sở pháp lý đồng bộ cho việc phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi tham nhũng để “không dám tham nhũng”.

- Mở rộng đối tượng phải kê khai tài sản, thu nhập; thêm một số loại tài sản, thu nhập phải kê khai; biến động tài sản từ 300 triệu đồng trở lên trong năm phải kê khai bổ sung; kê khai không trung thực có thể bị buộc thôi việc; quy định rõ trách nhiệm của người đứng đầu và người liên đới trách nhiệm nếu xảy ra tham nhũng tại cơ quan, đơn vị; các quy định điều chỉnh của Luật PCTN năm 2018 đề cao trách nhiệm của cá nhân người kê khai TSTN, vai trò trách nhiệm của người đứng đầu nhằm phòng ngừa tham nhũng.

2. Tồn tại, hạn chế

- Tại khoản 1 Điều 2 Luật PCTN năm 2018 quy định 12 hành vi tham nhũng nhưng tại Mục 1 Chương XXIII Bộ luật Hình sự năm 2015 lại quy định 07 hành vi phạm tội tham nhũng nên 05 hành vi còn lại của Luật PCTN còn thiếu chế tài để xử lý, chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể, gây khó cho quá trình vận dụng vào thực tiễn, đồng thời, chưa có hướng dẫn cụ thể một số tội danh thuộc các tội phạm tham nhũng dẫn đến việc đánh giá, áp dụng quy định này chưa thống nhất.

- Công tác thu hồi tài sản do tham nhũng mà có gặp nhiều khó khăn bởi đối tượng tham nhũng thường chuyển dịch quyền sở hữu, sử dụng tài sản cho người thân, bạn bè nhằm mục đích tẩu tán tài sản, che mắt các cơ quan chức năng trong khi người được chuyển quyền sở hữu, sử dụng tài sản lại không là đối tượng bị điều chỉnh bởi Luật PCTN.

- Việc kê khai TSTN theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ của một số cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện chưa đúng, đủ, kịp thời trong khi các cơ quan có thẩm quyền chưa có cơ chế kiểm soát được nguồn hình thành tài sản của cá nhân; việc kiểm tra, xác minh để bảo đảm tính trung thực của việc kê khai còn ít, dẫn đến việc xác định và thu hồi tài sản tham nhũng, tài sản có được từ tham nhũng gặp nhiều khó khăn.

- Tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP của Chính phủ xác định người có nghĩa vụ kê khai TSTN hằng năm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên công tác trong 105 lĩnh vực làm cho nhiều đơn vị, địa phương còn lúng túng và có nhiều cách hiểu khác nhau trong việc xác định người có nghĩa vụ kê khai TSTN.

- Thanh tra Chính phủ chưa ban hành văn bản triển khai thực hiện quy trình xác minh TSTN (bao gồm: Trình tự thực hiện, biểu mẫu về xác minh TSTN, hình thức kỷ luật cụ thể theo từng mức độ vi phạm về kê khai TSTN) dẫn đến chưa có sự thống nhất chung trong các cơ quan có chức năng kiểm soát TSTN.

IV. KIẾN NGHỊ ĐỐI VỚI THANH TRA CHÍNH PHỦ

- Sớm xây dựng, hoàn thiện, triển khai cơ sở dữ liệu Quốc gia về TSTN của cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện phải kê khai TSTN; có sự phối hợp, chia

sẽ thông tin giữa các cơ quan có thẩm quyền kiểm soát TSTN để phục vụ cho công tác kiểm soát và xác minh TSTN.

- Sớm ban hành văn bản triển khai thực hiện quy trình xác minh TSTN (bao gồm: Trình tự thực hiện, biểu mẫu về xác minh TSTN, hình thức kỷ luật cụ thể theo từng mức độ vi phạm về kê khai TSTN) để tạo sự thống nhất chung trong các cơ quan có chức năng kiểm soát TSTN.

- Đề xuất với Chính phủ có phương án điều chỉnh tăng chỉ tiêu biên chế và có chế độ đãi ngộ phù hợp đối với các cơ quan có chức năng tham mưu quản lý nhà nước về PCTN và kiểm soát TSTN để đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Trên đây là Báo cáo Sơ kết 05 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; UBND tỉnh Đắk Lắk báo cáo Thanh tra Chính phủ theo quy định./.

Nơi nhận:

- Thanh tra Chính phủ (Vụ Pháp chế);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Cục II, Thanh tra Chính phủ;
- Chủ tịch, Phó CT UBND tỉnh (Đ/c Võ Văn Cảnh);
- CVP, PCVP UBND tỉnh (Đ/c Nguyễn Tiến Dũng);
- Thanh tra tỉnh;
- Trung tâm CN&CTTĐT tỉnh;
- Lưu: VP, NC (Vtk.05b).

(Để báo cáo)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Cảnh